

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2020/DS-ST

Ngày 12 tháng 10 năm 2020

*Về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản
và đòi tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà PHẠM NGỌC GIÀU.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông TRẦN VĂN THẠCH.

2/ Bà LÊ NGỌC TRÂM.

- Thư ký phiên tòa: Ông HOÀNG KIM ANH - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà NGUYỄN LÂM THÚY VI - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2020/QĐHPT-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn:

1/. Bà **N.T.L**, sinh năm 1954 - (có mặt).

Địa chỉ: Số 40/7, khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

2/. Ông **N.N.S**, sinh năm 1965 - (có mặt).

Địa chỉ: Số 40/7 (số mới 112) khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

3/. Bà **V.T.G**, sinh năm 1965 - (có mặt).

Địa chỉ: Số 105/3A, khu phố L.T, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

4/. Bà **V.T.S**, sinh năm 1968 - (có mặt).

Địa chỉ: Số 51/4, khu phố L.T , phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- *Đồng bị đơn:*

1/. Ông **N.V.I**, sinh năm 1971 - (có mặt).

2/. Bà **N.T.T.A**, sinh năm 1976 - (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 40/7, khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông **N.T.T**, sinh năm 1961 - vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 232, khu phố N.T, phường N.S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2/. Bà **N.T.C**, sinh năm 1965 - (có mặt).

Địa chỉ: Số 40/7 (số mới 112), khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2019 của nguyên đơn bà N.T.L trình bày và trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên tòa thể hiện như sau:***

Cha bà là ông Nguyễn Văn Tý, sinh năm 1921, chết năm 1984; mẹ bà là Võ Thị Bi, sinh năm 1934, chết năm 2019. Cha mẹ bà có tất cả 06 người con gồm: N.T.L, N.T.T, N.N.S, V.T.G, V.T.S và N.V.I. Lúc cha mẹ còn sống có tạo được 01 phần đất diện tích là 416m², sau khi cha chết thì mẹ là bà Bi có chuyển nhượng cho ông Nhâm Văn Toại diện tích 174m², hiện còn lại diện tích đất 242 m² do bà Võ Thị Bi đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên phần đất có 02 căn nhà xây tường; 01 căn do vợ chồng ông L, bà A đang quản lý sử dụng và 01 căn nhà do vợ chồng ông S, bà C đang quản lý sử dụng. Lúc cha mẹ còn sống chưa chia tài sản cho ai và cha mẹ chết cũng không có để lại di chúc. Sau khi cha mẹ bà chết thì vợ chồng ông N.V.I đã cố tình chiếm giữ tài sản do cha mẹ để lại mà không chia cho các anh chị em. Nay ra Tòa, bà l yêu cầu ông L có nghĩa vụ chia phần di sản thừa kế do cha mẹ chết để lại là phần đất diện tích 242m², thửa đất số 1132, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Về phần 02 căn nhà cất trên đất; 01 căn nhà do vợ chồng N.V.I đang quản lý sử dụng là do vợ chồng ông L bà A tự xây cất để ở, còn 01 căn nhà do vợ chồng ông N.N.S đang quản lý sử dụng cũng do vợ chồng ông S tự xây cất để ở nên bà không yêu cầu chia 02 căn nhà trên đất mà chỉ yêu cầu chia phần đất diện tích 242m² chia thành 06 phần bằng nhau cho 06 anh chị em mỗi người 01 phần.

****Tại phiên tòa ông N.N.S trình bày:***

Ông S thống nhất với lời trình bày của bà N.T.L về mối quan hệ huyết thống. Ông S yêu cầu chia phần di sản thừa kế do cha mẹ chết để lại là phần đất diện tích 242m², thửa đất số 1132, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Trên đất hiện có 02 căn nhà; 01 căn nhà do vợ chồng N.V.I đang quản lý sử

dụng là do vợ chồng ông L tự xây và 01 căn nhà do vợ chồng ông đang quản lý sử dụng là do vợ chồng ông tự xây để ở, không phải nhà của cha mẹ để lại.

Nay ra Tòa ông S yêu cầu chia phần đất diện tích 242m² do cha mẹ chết để lại thành 06 phần bằng nhau cho 06 anh chị em mỗi người 01 phần.

**** Tại phiên tòa bà V.T.G trình bày:***

Bà G thống nhất với lời trình bày của bà N.T.L, bà G yêu cầu chia phần di sản thừa kế do cha mẹ chết để lại thành 06 phần bằng nhau cho 06 anh chị em. Bà G không yêu cầu chia phần tài sản là 02 căn nhà cất trên đất.

**** Tại phiên tòa bà V.T.S trình bày:***

Bà S thống nhất với lời trình bày của bà N.T.L, bà S yêu cầu chia phần di sản thừa kế do cha mẹ chết để lại thành 06 phần bằng nhau cho 06 anh chị em. Bà S không yêu cầu chia phần tài sản là 02 căn nhà cất trên đất.

Ngoài ra, bà S trình bày thêm là vào năm 2014 mẹ bà là bà Võ Thị Bi có thể chấp cho Quỹ tín dụng xã Hiệp Tân (nay là phường Hiệp Tân) 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Bi đứng tên để cho vợ chồng ông L, bà A vay số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay là 13 tháng, đã quá hạn nhưng từ khi bà Bi mất cho đến nay vợ chồng ông L không chịu trả nợ vay cho Quỹ tín dụng phường Hiệp Tân, vì sợ lãi nhiều và mất đất nên bà S có bỏ ra số tiền để trả cho Quỹ tín dụng phường Hiệp Tân, tổng cộng gốc và lãi là 47.162.000 đồng. Nay ra Tòa bà S yêu cầu ông L, bà A phải trả lại số tiền tổng cộng là 47.162.000 đồng (bốn mươi bảy triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông N.V.I trình bày:***

Cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn Tý và bà Nguyễn Thị Bi chết có để lại phần đất diện tích 242m², thửa đất số 1132, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Trên đất hiện có 02 căn nhà; 01 căn nhà do vợ chồng ông đang quản lý sử dụng và 01 căn nhà do vợ chồng ông N.N.S đang quản lý sử dụng. Khi cha mẹ còn sống chưa chia tài sản cho ai cả và cha mẹ chết cũng không có để lại di chúc. Nay ra Tòa ông L không đồng ý chia phần diện tích đất mà vợ chồng ông L đang cất nhà ở, ông muốn giữ lại phần đất vợ chồng ông đang ở để làm nơi thờ cúng cha mẹ. Ông yêu cầu chia phần diện tích đất mà vợ chồng ông S, bà C đang cất nhà ở cho bà I, ông S, ông T, bà G và bà S.

Ông L thừa nhận vào năm 2014 mẹ ông là bà Võ Thị Bi có thể chấp cho Quỹ tín dụng xã Hiệp Tân (nay là phường Hiệp Tân) 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Bi đứng tên để cho vợ chồng ông vay số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) thời hạn vay là 13 tháng, đã quá hạn nhưng đến nay vợ chồng chưa trả được nợ vay cho Quỹ tín dụng phường Hiệp Tân, mục đích vay tiền là để vợ chồng ông làm vốn mua bán cây tầm vông, mẹ ông bà Bi không có sử dụng số tiền vay này. Nếu như bà S đã bỏ số

tiền 47.162.000 đồng trả cho Quỹ tín dụng phường Hiệp Tân thì ông đồng ý trả lại cho bà S số tiền này.

**** Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N.T.T.A trình bày:***

Bà A thống nhất theo lời trình bày của chồng là ông N.V.I về phần diện tích đất mà vợ chồng bà đang cất nhà để ở là do mẹ chồng là bà Võ Thị Bi chết để lại, không phải đất vợ chồng tạo ra và bà A không có ý kiến gì về phần tài sản mà các bên đang tranh chấp. Bà A không yêu cầu giải quyết về căn nhà cất trên đất.

Bà A thừa nhận vào năm 2014 mẹ chồng là bà Võ Thị Bi có thể chấp cho Quỹ tín dụng xã Hiệp Tân (nay là phường Hiệp Tân) 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Bi đứng tên để cho vợ chồng bà vay số tiền là 40.000.000 đồng làm vốn mua bán tầm vòng, bà Võ Thị Bi không có sử dụng số tiền này. Nay ra Tòa bà A đồng ý cùng chồng là ông N.V.I trả lại cho bà S số tiền mà bà S đã bỏ ra để trả cho Quỹ tín dụng phường Hiệp Tân, tổng cộng gốc và lãi là 47.162.000 đồng (bốn mươi bảy triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

**** Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N.T.C trình bày:***

Bà C thống nhất theo lời trình bày của chồng bà là ông N.N.S về phần diện tích đất mà vợ chồng bà đang cất nhà để ở là do mẹ chồng là bà Võ Thị Bi chết để lại, không phải đất vợ chồng tạo ra và bà C không có ý kiến gì về phần tài sản mà các bên đang tranh chấp. Bà C không yêu cầu giải quyết về căn nhà cất trên đất.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan N.T.T trình bày:***

Ông T thừa nhận cha mẹ là ông Nguyễn Văn Tý và Nguyễn Thị Bi chết có để lại phần đất diện tích 242m², thửa đất số 1132, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Trên đất hiện có 02 căn nhà; 01 căn nhà do vợ chồng ông N.V.I đang quản lý sử dụng và 01 căn nhà do vợ chồng ông N.N.S đang quản lý sử dụng. Ông T muốn giữ lại phần đất do cha mẹ chết để làm nơi thờ cúng nhưng bà I, ông S, bà G và bà S yêu cầu chia di sản thừa kế thì ông yêu cầu được hưởng phần di sản thừa kế do cho mẹ chết để lại theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Có vi phạm về thời hạn xét xử.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 166, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà N.T.L, ông N.N.S, bà V.T.G và bà V.T.S chia di sản thừa kế do bà Võ Thị Bi chết để lại gồm phần đất diện tích 242m² (diện tích đo đạc thực tế còn lại 303m²) tọa lạc tại khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa

Thành, tỉnh Tây Ninh. Cụ thể bà I, ông S, ông T, bà S, bà G và ông L mỗi người được hưởng 50,5 m². Do không đủ diện tích đất để tách thửa nên chia trị giá bằng tiền, mỗi kỳ phần thừa kế được hưởng là 293.100.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.T.S đòi lại số tiền đối với ông L, bà A. Buộc ông L, bà A có nghĩa vụ trả lại cho bà S số tiền là 47.162.000 đồng.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông N.T.T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 12/7/2019 bà I, ông S, bà G và bà S khởi kiện yêu cầu chia phần di sản thừa kế do bà Bi chết để lại là phần đất diện tích 242m² (diện tích đo đạc thực tế là 303 m²) tọa lạc khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, không yêu cầu chia 02 căn nhà trên đất.

Ngày 24/7/2020 bà S khởi kiện yêu cầu đòi lại số tiền đã trả nợ thay cho vợ chồng ông L, bà A tại Quỹ tín dụng phường Hiệp Tân tổng cộng gốc và lãi là 47.162.000 đồng (bốn mươi bảy triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

[3] Về quan hệ tranh chấp: Bà N.T.L, ông N.V.S, bà V.T.G, bà V.T.S tranh chấp với anh N.V.I, N.T.T.A, về phần đất do ông Tý và bà Bi chết để lại diện tích 242m² (diện tích đo đạc thực tế còn lại 303 m²) tọa lạc tại khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh và bà V.T.S khởi kiện đòi lại số tiền trả nợ thay cho vợ chồng ông L, bà A nên xác định đây là quan hệ “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và đòi lại tài sản*” theo quy định tại Điều 609, Điều 166 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Tý, chết năm 1984, nên thời hiệu khởi kiện đối với phần di sản của ông Tý đã hết. Bà Võ Thị Bi, chết năm 2019 nên thời điểm mở thừa kế của bà Bi là ngày 12/6/2019 theo quy định tại Điều 611 của Bộ luật dân sự. Bà I, ông S, bà G, bà S làm đơn khởi kiện ngày 12/7/2019 yêu cầu được chia phần di sản thừa kế của bà Bi chết để lại nên căn cứ Điều 623 của Bộ luật dân sự thì yêu cầu chia di sản thừa kế của bà I, ông S, bà G, bà S còn thời hiệu khởi kiện.

[5] Về hàng thừa kế: Bà I, ông T, ông S, bà G, bà S và ông L là con của ông Tý và bà Bi thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật.

[6] Về di sản thừa kế: Bà I, ông T, ông S, bà G, bà S và ông L đều thừa nhận nguồn gốc phần đất diện tích 242m^2 (diện tích đo đạc thực tế là 303m^2) tọa lạc tại khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là tài sản của ông Tý, bà Bi chết để lại. Năm 2005 bà Bi đăng ký toàn bộ phần đất và được UBND huyện Hòa Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03099/QSĐĐ/D2, ngày 27/6/2005 cho bà Võ Thị Bi đứng tên. Nay ông S và ông L đang quản lý, sử dụng là tài sản chung cha mẹ chết để lại.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của bà I, ông S, bà G, bà S về việc chia di sản thừa kế đối với ông L thấy rằng: Phần đất diện tích 242m^2 (diện tích đo đạc thực tế là 303m^2) là tài sản của bà Bi chết để lại nên phần tài sản bà Bi được chia làm 06 phần bằng nhau cho 06 người con là bà I, ông T, ông S, bà S, bà G và ông L là có cơ sở chấp nhận. Mỗi người được hưởng $50,5\text{m}^2$ đất, do đất chia cho mỗi người không đủ diện tích để tách thửa nên cần chia giá trị bằng tiền cho các người được hưởng thừa kế.

Xét yêu cầu của ông L không đồng ý chia thừa kế, ông L muốn giữ lại phần đất ông đang ở để làm nhà thờ nhưng ông không chứng minh được nhà đất ông đang quản lý sử dụng là tài sản được cha mẹ tặng cho riêng ông nên lời trình bày của ông L là không có cơ sở chấp nhận.

Theo biên bản định giá ngày 11/6/2020 của Hội đồng định giá thị xã Hòa Thành, tài sản tranh chấp thể hiện như sau:

Phần đất có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng là 242m^2 (diện tích đo đạc thực tế là 303m^2) tọa lạc khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, do bà Võ Thị Bi đứng tên có giá trị là 1.776.186.000đồng ($303\text{m}^2 \times 5.862.000\text{đồng}/1\text{m}^2$). Mỗi người được hưởng số tiền 296.031.000 đồng.

Hiện ông S đang quản lý, sử dụng phần đất diện tích $124,7\text{m}^2$, trị giá 730.991.400 đồng, trên phần đất có căn nhà tạm do vợ chồng ông S tự xây để ở. Vì vậy, nên giao phần đất này cho ông S tiếp tục quản lý, sử dụng và ông S có nghĩa vụ thanh toán lại tiền cho các người được hưởng thừa kế. Phần thừa kế ông S được hưởng là $50,5\text{m}^2$ có giá trị là 296.031.000 đồng, phần diện tích còn lại là $74,2\text{m}^2$ tương đương số tiền là 434.960.400 đồng, nên ông S có nghĩa vụ giao lại tiền chênh lệch cho các người được hưởng thừa kế khác là phù hợp.

Hiện ông L đang quản lý, sử dụng phần đất diện tích $178,3\text{m}^2$, trị giá 1.045.194.600 đồng, trên phần đất có 01 căn nhà cấp 4 do vợ chồng ông L tự xây để ở. nên giao phần đất này cho ông L tiếp tục quản lý, sử dụng và ông L có nghĩa vụ thanh toán lại tiền cho các người được hưởng thừa kế. Phần thừa kế ông L được hưởng là $50,5\text{m}^2$ có giá trị là 296.031.000 đồng, phần diện tích còn lại là $127,8\text{m}^2$ tương đương số tiền là 749.163.600 đồng, nên ông L có nghĩa vụ giao lại tiền chênh lệch cho các người được hưởng thừa kế khác là phù hợp.

Ghi nhận bà A và bà C không yêu cầu giải quyết về 02 căn nhà cất trên đất.

[8] Xét yêu cầu khởi kiện của bà bà S về việc đòi lại tài sản đối với ông L bà A thấy rằng:

Ngày 26/11/2014 ông N.V.I có ký hợp đồng tín dụng vay của Quỹ tín dụng xã Hiệp Tân (nay là phường Hiệp Tân) để vay số tiền là 40.000.000 đồng, bà N.T.T.A là người thừa kế, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Võ Thị Bi đứng tên, thời hạn vay là 13 tháng, mục đích vay tiền là để cho vợ chồng ông L, bà A làm vốn kinh doanh. Do nợ đã quá hạn mà vợ chồng ông L, bà A không chịu trả nợ vay cho Quỹ tín dụng phường Hiệp Tân, vì sợ mất tài sản của mẹ là bà Bi chết để lại nên ngày 26/8/2020 bà V.T.S có bỏ ra số tiền gốc và lãi là tổng cộng là 47.162.000 đồng để trả nợ thay cho vợ chồng ông L, bà A (theo giấy xác nhận của Quỹ tín dụng phường Hiệp Tân). Ông L, bà A có làm cam kết đồng ý trả lại số tiền 47.162.000 đồng (bốn mươi bảy triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng) cho bà S, do đó việc khởi kiện của bà S đòi lại khoản tiền đã trả nợ thay cho ông L, bà A là có cơ sở chấp nhận.

[9] Về chi phí đo đạc, định giá: Bà I, ông S, bà G và bà S đã nộp tạm ứng chi phí định giá là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Bà I, ông S, bà G, bà S tự nguyện chịu số tiền này và đã nộp xong.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T, ông S, bà G, bà S, ông L và bà A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Riêng bà N.T.L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí được chính quyền địa phương xác nhận nên bà I được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 166, 609, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp thừa kế tài sản của bà N.T.L, ông N.V.S, bà V.T.G và bà V.T.S đối với ông N.V.I.

- Ông N.V.I được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 178,3m² (gồm đất thổ cư 130m² và đất vườn 48,3m²) tọa lạc tại khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận:

Phía Đông giáp lộ 10 dài 6,30m.

Phía Tây giáp hẻm 4m dài 6,10m.

Phía Nam thửa 791, dài 29m.

Phía Bắc giáp ông S, bà C dài 29m.

Trên phần đất có căn nhà: Kết cấu 4C, móng gạch + đá 4 x 6, nền gạch men, tường xây gạch ống quét vôi, cửa đi sắt có gắn kiếng, cột gạch, kèo đòn tay gỗ xây dựng, không trần, máy tole; ngang 4,4m x dài 14 m = 61m²; phần chữ L ngang 1,3m x dài 6m = 8,19m², diện tích 69,79m².

Phần mái che: Nền xi măng, cột bê tông, xi măng đúc sẵn, kèo đòn tay gỗ xây dựng, mái tole; ngang 5,9m x dài 7m = 41,3m².

Buộc ông N.V.1 có nghĩa vụ giao lại cho ông N.T.T số tiền là 296.031.000 đồng, giao lại cho bà V.T.G là 296.031.000 đồng, giao lại cho bà N.T.L số tiền 157.101.600 đồng, tổng cộng là 749.163.600 đồng (bảy trăm bốn mươi chín triệu một trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm đồng).

- Ông N.N.S được quyền quản lý sử dụng phần đất diện tích 124,7m² (gồm đất thổ cư 112m² và đất vườn 12,7m²) tọa lạc tại khu phố L.K, phường L.T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận:

Phía Đông giáp lộ 10 dài 4,30m.

Phía Tây giáp hẻm 4m dài 4,30m.

Phía Nam giáp đất ông L, bà A dài 29m.

Phía Bắc giáp thửa 404 dài 29m.

Trên phần đất có căn nhà: Kết cấu nhà tạm, nền gạch tàu, vách cây + vách đất, cột bê tông xi măng đúc sẵn, kèo đòn tay gỗ xây dựng, không trần, mái tole; ngang 4,3 x dài 7,7m = 33,11m².

Phần mái che: Nền xi măng, cột bê tông, xi măng đúc sẵn, kèo đòn tay gỗ xây dựng, mái tole; ngang 4,3m x dài 4,9m = 21,7m².

Buộc ông N.N.S có nghĩa vụ giao lại cho bà V.T.S số tiền là 296.031.000 đồng, giao lại cho bà N.T.L số tiền 138.929.400 đồng, tổng cộng số tiền phải trả lại cho bà L, bà S là 434.960.400 đồng (bốn trăm ba mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn bốn trăm đồng).

Ông S và ông L có nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của Luật đất đai.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.T.S đối với ông N.V.1 và bà N.T.T.A về việc đòi lại tiền trả nợ thay cho ông L, bà A tại Quỹ tín dụng phường Hiệp Tân.

Buộc ông N.V.1 và bà N.T.T.A có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà V.T.S số tiền là 47.162.000 đồng (bốn mươi bảy triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

3. Về án phí sơ thẩm dân sự và chi phí tố tụng:

* Về án phí sơ thẩm dân sự:

- Ông N.V.S phải chịu 14.802.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0013716 ngày 15/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành nên ông S còn phải nộp là 13.802.000 đồng (mười ba triệu tám trăm lẻ hai nghìn đồng).

- Bà V.T.G phải chịu 14.802.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0013707 ngày 15/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành nên bà G còn phải nộp là 13.802.000 đồng (mười ba triệu tám trăm lẻ hai nghìn đồng).

- Bà V.T.S phải chịu 14.802.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0013705 ngày 15/7/2020 và 1.179.000 đồng theo biên lai thu số 0009098 ngày 24/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tổng cộng bà S đã nộp là 2.179.000 đồng nên bà S còn phải nộp là 12.623.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng).

- Ông N.T.T phải chịu 14.802.000 đồng (mười bốn triệu tám trăm lẻ hai nghìn đồng).

- Ông N.V.I phải chịu 14.802.000 đồng (mười bốn triệu tám trăm lẻ hai nghìn đồng).

- Ông N.V.I và bà N.T.T.A phải chịu án phí trên số tiền phải trả lại cho bà S là 2.358.000 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng).

- Bà N.T.L được miễn tiền án phí theo quy định. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà I số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu số 0013706 ngày 15/7/2020.

* Về chi phí tố tụng: Bà I, ông S, bà G, bà S tự nguyện chịu tiền chi phí do đặc, định giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Ghi nhận bà I, ông S, bà G, bà S đã nộp xong.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông N.T.T

vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (G).

đã ký

Phạm Ngọc Giàu